

Số: 3021 /QĐ-UBND

A Lưới, ngày 24 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND huyện A Lưới**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng
Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống
hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì,
cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO
9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức
thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân huyện A Lưới về việc triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành
chính nhà nước trên địa bàn huyện A Lưới năm 2022;*

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại UBND huyện
A Lưới phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (kèm theo phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho
Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND huyện A Lưới.

Điều 3. Các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai rà soát, xây dựng quy trình
ISO đối với các thủ tục mới để cấu hình quy trình xử lý lên Cổng Dịch vụ công của
huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- VP: LĐ, CV;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND HUYỆN A LƯỚI
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3021 /QĐ-UBND
ngày 24 / 8 /2022 của Chủ tịch UBND huyện A Lưới)

TT	LĨNH VỰC
	Lĩnh vực Công chức, viên chức (07 TTHC)
1.	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức
2.	Thủ tục thi nâng ngạch công chức
3.	Thủ tục thi tuyển viên chức
4.	Thủ tục xét tuyển viên chức
5.	Thủ tục thi tuyển đặc biệt trong tuyển dụng viên chức
6.	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
7.	Thủ tục thi tuyển công chức
	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế (06 TTHC)
8.	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
9.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
10.	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
11.	Thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
12.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
13.	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (7 TTHC)
14.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội
15.	Thủ tục thành lập hội

16.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội
17.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất đối với hội
18.	Thủ tục đổi tên hội
19.	Thủ tục tự giải thể đối với hội
20.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện
Lĩnh vực Thi đua khen thưởng (08 TTHC)	
21.	Thủ tục tặng Tập thể lao động tiên tiến
22.	Thủ tục tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở
23.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề
24.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về khen thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
25.	Thủ tục tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến
26.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình
27.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất
28.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
Lĩnh vực Chính quyền địa phương (02 TTHC)	
29.	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới
30.	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã
Lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo (08 TTHC)	
31.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo
32.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
33.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
34.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện

35.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện
36.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
37.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
38.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (05 TTHC)	
39.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập
40.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
41.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện
42.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập
43.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập
Lĩnh vực Hộ tịch (16 TTHC)	
44.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
45.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
46.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
47.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
48.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
49.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
50.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
51.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
52.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

53.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
54.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
55.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
56.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
57.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
58.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
59.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch
	Lĩnh vực Chứng thực (12 TTHC)
60.	Cấp bản sao từ sổ gốc
61.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
62.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
63.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản
64.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
65.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
66.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
67.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
68.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
69.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
70.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
71.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản

	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (02 TTHC)
72.	Thủ tục phục hồi danh dự
73.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh (05 TTHC)
74.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
75.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
76.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh
77.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
78.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
	Lĩnh vực liên thông đăng ký hộ kinh doanh, HTX và đăng ký mã số thuế (02 TTHC)
79.	Đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký mã số thuế
80.	Đăng ký hợp tác xã và đăng ký mã số thuế
	Lĩnh vực Thủy lợi (05 TTHC)
81.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp
82.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
83.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
84.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
85.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hợp tác xã (17 TTHC)
86.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp

	tác xã (Quyết định số 3070 ngày 27/12/2018)
87.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
88.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.
89.	Đăng ký thành lập hợp tác xã
90.	Đăng ký khi hợp tác xã tách
91.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
92.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
93.	Đăng ký khi hợp tác xã chia
94.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
95.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã
96.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
97.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
98.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
99.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
100.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
101.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
102.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
	Lĩnh vực Phát triển nông thôn (05 TTHC)
103.	Thủ tục hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP
104.	Thủ tục hỗ trợ sản xuất
105.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh

106.	Bố trí ổn định dân cư trong huyện
107.	Hỗ trợ dự án liên kết
	Lĩnh vực Khuyến nông (01 TTHC)
108.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
	Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, Hồ chứa thủy điện (02 TTHC)
109.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
110.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
	Lĩnh vực Tiếp dân, khiếu nại, tố cáo (05 TTHC)
111.	Thủ tục Tiếp công dân
112.	Thủ tục Xử lý đơn thư
113.	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu
114.	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần hai
115.	Thủ tục Giải quyết tố cáo
	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (05 TTHC)
116.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập
117.	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập
118.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập
119.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình
120.	Thủ tục thực hiện việc giải trình
	Lĩnh vực cấp, quản lý Căn cước công dân (07 TTHC)
121.	Cấp thẻ Căn cước công dân khi chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
122.	Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân
123.	Đổi thẻ Căn cước công dân
124.	Cấp lại thẻ Căn cước công dân

125.	Cấp thẻ Căn cước công dân khi đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
126.	Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
127.	Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.
	Lĩnh vực thu BHXH, BHYT, BHTN (03 TTTC)
128.	Đơn vị tham gia lần đầu, đơn vị di chuyển từ địa bản tỉnh, thành phố khác đến
129.	Truy thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
130.	Người lao động có thời hạn ở nước ngoài tự đăng ký đóng BHXH bắt buộc
	Lĩnh vực cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (02 TTTC)
131.	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH
132.	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên thẻ BHYT
	Lĩnh vực Giải quyết chế độ BHXH (10 TTTC)
133.	Giải quyết hưởng BHXH một lần
134.	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng (đối với người có quyết định hoặc giấy chứng nhận chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu hoặc chờ hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP)
135.	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích
136.	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất
137.	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg
138.	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg
139.	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Quyết định 52/2013/QĐ-TTg
140.	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng (đối với trường hợp người lao động đang đóng BHXH bắt buộc)
141.	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng (đối với người đang tham gia BHXH tự nguyện, người đang bảo lưu thời gian tham gia BHXH)

142.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19
	Lĩnh vực Văn hóa (11 TTHC)
143.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa”
144.	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện cấp)
145.	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
146.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm
147.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội
148.	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện cấp)
149.	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
150.	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
151.	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
152.	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
153.	Thủ tục Đăng ký tổ chức lễ hội
	Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)
154.	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
155.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
156.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
	Lĩnh vực Gia đình (06 TTHC)
157.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)

158.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
159.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
160.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
161.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
162.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
	Lĩnh vực Viễn thông (04 TTHC)
163.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
164.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
165.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
166.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
	Lĩnh vực Lao động tiền lương (03 TTHC)
167.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền
168.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19
169.	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19
	Lĩnh vực Thuế (17 TTHC)
170.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế
171.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Trừ đơn vị trực thuộc.
172.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Đối với đơn vị trực thuộc.
173.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh

	doanh
174.	Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với Doanh nghiệp
175.	Khôi phục mã số thuế
176.	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng kinh doanh
177.	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị chia/ bị sáp nhập/bị hợp nhất.
178.	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế mới được chia/được tách/hợp nhất.
179.	Khai thuế đối với cá nhân có tài sản cho thuê
180.	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm
181.	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với tổ chức - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm.
182.	Khai Lệ phí trước bạ nhà đất
183.	Khai Lệ phí trước bạ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam.
184.	Khai Lệ phí trước bạ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam.
185.	Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước.
186.	Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất
	Lĩnh vực Người có công liên thông (18 TTHC)
187.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
188.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
189.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu jvinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”

190.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến không công tác trong Quân đội, Công an
191.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc Quân đội, Công an
192.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý
193.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý
194.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
195.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
196.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày
197.	Thủ tục “Đề nghị tặng hoặc tụy tặng Huân chương độc lập”
198.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
199.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
200.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
201.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần
202.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
203.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
204.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
	Lĩnh vực Người có công (05 TTHC)
205.	Thăm viếng mộ liệt sĩ
206.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
207.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh
208.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp
209.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang

	giúp Lào, Căm – pu – chia
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (16 TTHC)
210.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
211.	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
212.	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
213.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
214.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
215.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
216.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
217.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
218.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp
219.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng
220.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng
221.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
222.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
223.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
224.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội

225.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc
	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (05 TTHC)
226.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng
227.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng
228.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
229.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
230.	Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội
	Lĩnh vực Quản lý tài sản công (13 TTHC)
231.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
232.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
233.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.
234.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước
235.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
236.	Quyết định điều chuyển tài sản công
237.	Quyết định bán tài sản công
238.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ
239.	Quyết định thanh lý tài sản công
240.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công
241.	Quyết định tiêu hủy tài sản công
242.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

243.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của UBND huyện
	Lĩnh vực Quản lý ngân sách (01 TTHC)
244.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công
	Lĩnh vực giáo dục Mầm non (05 TTHC)
245.	Thủ tục Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
246.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
247.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
248.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
249.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).
	Lĩnh vực giáo dục Tiểu học (06 TTHC)
250.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục
251.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
252.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
253.	Sáp nhập, chia, tách trường Tiểu học
254.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).
255.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
	Lĩnh vực giáo dục Trung học (09 TTHC)
256.	Tuyển sinh trung học cơ sở
257.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
258.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục
259.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại
260.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở
261.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập)

	trường)
262.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
263.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS
264.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc Hệ thống giáo dục quốc dân (08 TTHC)
265.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
266.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
267.	Thủ tục Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
268.	Thủ tục Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
269.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
270.	Xét, cấp học bổng chính sách
271.	Thủ tục hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo
272.	Thủ tục trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp
	Lĩnh vực giáo dục Dân tộc (05 TTHC)
273.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú
274.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú
275.	Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
276.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục
277.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú
	Lĩnh vực xuất bản (02 TTHC)
278.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

279.	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (09 TTHC)
280.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
281.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
282.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
283.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
284.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
285.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
286.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
287.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
288.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
	Lĩnh vực Đất đai (33 TTHC)
289.	Thủ tục cung cấp dữ liệu về đất đai
290.	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
291.	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
292.	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
293.	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
294.	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất
295.	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

296.	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
297.	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
298.	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
299.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
300.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
301.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở.
302.	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
303.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
304.	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
305.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
306.	Thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền

307.	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất
308.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
309.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
310.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân
311.	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
312.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
313.	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện
314.	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
315.	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
316.	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
317.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
318.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
319.	Thủ tục Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
320.	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
321.	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

	Lĩnh vực Giao dịch bảo đảm (09 TTHC)
322.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
323.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
324.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
325.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
326.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
327.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
328.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên giấy chứng nhận
329.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
330.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
	Lĩnh vực Phí bảo vệ Môi trường (01 TTHC)
331.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
	Lĩnh vực Môi trường (04 TTHC)
332.	Cấp Giấy phép môi trường
333.	Cấp đổi Giấy phép môi trường
334.	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường
335.	Cấp lại Giấy phép môi trường
	Lĩnh vực Tài nguyên nước (02 TTHC)
336.	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất.
337.	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh.
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật (01 TTHC)

338.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (09 TTHC)
339.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
340.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
341.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)
342.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)
343.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình
344.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
345.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
346.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
347.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ
	Lĩnh vực Quy hoạch (07 TTHC)
348.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy

	hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
349.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
350.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn
351.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
352.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
353.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
354.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn
	Lĩnh vực Việc làm (03 TTHC)
355.	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
356.	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp
357.	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động
	Lĩnh vực Tài chính kế hoạch (01 TTHC)
358.	Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
	Lĩnh vực Tài chính đầu tư (04 TTHC)
359.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
360.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
361.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm C thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
362.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm B thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
	Lĩnh vực Đầu tư xây dựng (04 TTHC)

363.	Thẩm định chủ trương đầu tư xây dựng công trình
364.	Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
365.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
366.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình
	Lĩnh vực Lâm nghiệp (03 TTHC)
367.	Xác nhận bảng kê lâm sản
368.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)
369.	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu
	Lĩnh vực Dân tộc (02 TTHC)
370.	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
371.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
	Lĩnh vực kinh doanh Khí (03 TTHC)
372.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
373.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
374.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
	Lĩnh vực quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (03 TTHC)
375.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
376.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
377.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
	Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và cơ sở giáo dục khác (02 TTHC)
378.	Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng
379.	Thủ tục cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ (02 TTHC)
380.	Thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc

381.	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ
	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng (01 TTHC)
382.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
	Lĩnh vực Công nghiệp, tiểu thủ Công nghiệp (03 TTHC)
383.	Hỗ trợ chi phí di dời
384.	Hỗ trợ đầu tư nhà xưởng mới
385.	Hỗ trợ thuê mặt bằng